HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ___Yes, ___No

EXIT VISA: ___Yes ___No

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê (Last) Minh (Middle) Triết (First)

Current Address 170 Ng Biểu P21 Q.5 TP HCM.

Date of Birth 09/06/35 Place of Birth Bac Liêu

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) warrant officer (US trained)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From _____ To _____ (2yrs)

3. SPONSOR'S NAME: _____ (Name)

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

_____ Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Minh Triết
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01- Ng thị Bạch Đằng	11/05/43	wife
02. Lê thị Bạch Yến	01/04/67	daughter
03. Lê Bạch Lan Phương	08/11/68	—
04 Lê Minh Đăng Khoa	02/01/74	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

man: ex prisoner
US trained
wife 1 US employee

có khai sinh, giấy chứng nhận bản chính gửi trong hồ sơ

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: Sept 1, 1984

entification data :

: TRIET, LÊ MINH

name : none

place of birth : September 6, 1935 at Vĩnh Lợi Bạc Liêu (Viet Nam)

nce address : 170 Nguyễn Biểu, Phường 21, Quận TP Hồ Chí Minh Viet Nam

g address : same above

t occupation : Livestock raiser

B. Relatives to accompany me :
(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relat ves eligible to accompany you. List marital Status (MS) as follows Married (M) Divorced (D) Widowed (W) or single (S).

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	M.S	Relations
1. Nguyễn Thị Bạch Đằng	Nov.5.1943	Gia Định	F	M	wife
2. Lê Thị Bạch Yến	Jan.4.1967	Saigon	F	S	Daughter
3. Lê Bạch Lan Phương	Aug.11.1968	-id-	F	S	-id-
4. Lê Minh Đăng Khoa	Feb.1.1974	-id-	M	S	Son

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if mar divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (i widowed). Identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not li with you. Please note their address in section I below:

C. Relatives outside Viet Nam

1. Closest relative in the U.S

a. Name : none

b. Relationship :

c. Address :

2. Closest relative in other foreign countries

a. Name : Lê-Văn-Nghiêm

b. Relationship : cousin

c. Address : B.P 723 MONT DORE - NEW CALEDONIA

D. Complete family listing(living/dead)

	Name	Address
1. Father	Lê Minh Tòng	170 Nguyễn Biểu, P21, Quận 5.HCM
2. Mother	Huỳnh Kim Diệp	"dead"
3. Spouse	Nguyễn Thị Bạch Đằng	170 Nguyễn Biểu, P21, Quận 5
4. Former spouse(if any)		none
5. Children		
	(1) Lê Thị Bạch Yến	170 Nguyễn Biểu, P21, Quận 5.
	(2) Lê Bạch Lan Phương	-id-
	(3) Lê Minh Đăng Khoa	-id-

6. Siblings

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: Sept 1, 1984

A. Basic identification data :

1. Name : TRIET, LÊ MINH
2. Other name : none
3. Date/place of birth : September 6, 1935 at Vĩnh Lợi Bạc Liêu (Viet Nam)
4. Residence address : 170 Nguyễn Biểu, Phường 21, Quận TP Hồ Chí Minh Viet Nam
5. Mailing address : same above
6. Current occupation : Livestock raiser

B. Relatives to accompany me :
(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relat ves eligible to accompany you. List marital Status (MS) as follows Married (M) Divorced (D) Widowed (W) or single (S).

	Name	Date of birth	Place of birth	Sex	M.S	Relations
1.	Nguyễn Thị Bạch Đằng	Nov.5.1943	Gia Định	F	M	wife
2.	Lê Thị Bạch Yến	Jan.4.1967	Saigon	F	S	Daughter
3.	Lê Bạch Lan Phương	Aug.11.1968	-id-	F	S	-id-
4.	Lê Minh Đăng Khoa	Feb.1.1974	-id-	M	S	Son

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if mar divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (i widowed). Identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not li with you. Please note their address in section I below:

C. Relatives outside Viet Nam

1. Closest relative in the U.S
   a. Name : none
   b. Relationship :
   c. Address :
2. Closest relative in other foreign countries
   a. Name : Lê-Văn-Nghiêm
   b. Relationship : cousin
   c. Address : B.P 723 MONT DORE - NEW CALEDONIA

D. Complete family listing(living/dead)

		Name	Address
1.	Father	Lê Minh Tòng	170 Nguyễn Biểu, F21, Quận 5.HCM
2.	Mother	Huỳnh Kim Diệp	"dead"
3.	Spouse	Nguyễn Thị Bạch Đằng	170 Nguyễn Biểu,F21,Quận 5
4.	Former spouse(if any)		none
5.	Children		
		(1) Lê Thị Bạch Yến	170 Nguyễn Biểu,F21, Quận 5.
		(2) Lê Bạch Lan Phương	-id-
		(3) Lê Minh Đăng Khoa	-id-
6.	Siblings		

E. Employment by U.S Government agencies or other US Organizations of you or your spouse

1. Name of person employed : NGUYEN THI BACH DANG
2. Dates From 1971 to 1974
3. Title of (last)position held : Financial accounting clerk
4. Agency/Company/Office : Foremost Dairies Products T.d Dic Plant
5. Name of (last) supervisor : Mr Hansen, Plant manager
6. Reason for leaving : Reducing personnel by plant
7. Training for job in Viet Nam : none

F. Service with GVN or RVNAF by your spouse or you.

1. Name of person serving : LE MINH TRIET
2. Dates from October 1971 to December 1974
3. Last rank : Warrant officer
4. Ministry/Office/Military Unit : Military English language School.
5. Name of supervisor : Lt Colonel Huynh Van Lai
6. Reason for leaving : Took completely course and graduated diploma.
7. Name of American Advisor : Ph. D. McKER
8. U.S Training course in Viet Nam : Resources Defense Managem course (Monterey Naval base Cal.)
9. U.S. Awards or certificates : none

G. Training outside Viet Nam of you or your spouse

1. Name of student/trainee : LE MINH TRIET
2. School and school address : Sheppard Air Force base/Wichita Fall TEXAS.USA.
3. Dates from May 2, 1974 to July 2, 1974
4. Description of course : Management Analysis Officer Course
5. Who paid for training : US Army Department.

H. Re-education of you or your spouse :

1. Name of person in reeducation : Le Minh Triet
2. Total time in reeducation : 02 Years 01 months 06 days
3. Still in reeducation : No X

I. Any additional remarks :

a) Both of certificates completing course Management Analysis in USA and Resources Defense management in Viet Nam, they were lost after April 30, 1975 events.

b) I have been re-educated for 06 days being given NCO in 1st and added to 29 months in reeducation camp by accusation of VN authorities for fleeing abroad by ship.

Signature

Date Sept 1, 1984

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số 02198915

Họ Tên NGUYỄN THỊ BẠCH ĐÀNG

Ngày, nơi sinh 05.II.1943

THANH MỸ TÂY GIA ĐỊNH

Cha NGUYỄN VĂN KHUÔNG

Mẹ PHẠM THỊ HUỆ b/d LÊ THỊ HUỆ

Địa chỉ 38/136 PHAN VĂN TRỊ SG

DATE ISSUED 25 June 1974

RANK RO

SERVICE NUMBER 41107V8

DATE OF BIRTH 6 September 35

IN CASE OF EMERGENCY PLEASE CALL: OFFICER OF THE DAY

AT THE NEAREST MILITARY INSTALLATION

CENTER COMMANDER

The State of Texas

TRIET, Ho Minh

VIETNAM

and a student receiving US Military Training in an Honorary Citizen and Guest. All citizens and officials are urged to extend every possible hospitality, courtesy and assistance to him during his temporary stay in this State.

GOVERNOR OF TEXAS

Dấu vết riêng: Nốt ruồi 1 dưới 1/2 phải môi dưới

Cao: 1 th 60

Nặng: Kg

Chữ ký đương sự:

Ngón trỏ mặt

SAIGON ngày 11.02.1969

TUN.GIAM ĐỐC CANH SÁT QGĐT
TRƯỞNG TY CSQG QUẬN 5

Ngón trỏ trái

TRẦN CẢNH CHUNG

Số hiệu 576
(1).

NAISSANCE

Sanh

Nom et prénoms de l'enfant . . . Tên họ đứa con nhỏ	Lê minh Triết
Son sexe . . . . . . Nam, nữ	Trai
Date de naissance . . . . . . Sanh ngày nào	6 septembre 1935
Lieu de naissance. . . . . . Sanh tại chỗ nào	Vinhlôi Baliêu
Nom et prénoms de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) . . . Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi) . . .	Lê minh Công
Sa profession . . . . . . Cha làm nghề gì	Photographe et Commerçant
Son domicile . . . . . . Nhà cửa ở đâu	Vinhlôi Baliêu
Nom et prénoms de sa mère. . Tên, họ mẹ	Huỳnh Kim Diệp
Sa profession. . . . . . Mẹ làm nghề gì.	Tuổi lem
Son domicile. . . . . . Nhà cửa ở đâu	Vinhlôi Baliêu
Son rang de femme mariée. . . Vợ chánh hay là vợ thứ . . .	vô chánh
Nom et prénoms du déclarant. . Tên, họ người khai.	Lê minh Công
Son âge . . . . . . Mấy tuổi.	30 ans
Sa profession . . . . . . Làm nghề gì.	Photographe et Commerçant
Son domicile. . . . . . Nhà cửa ở đâu	Vinhlôi Baliêu
Nom et prénoms du 1er témoin. Tên, họ người chứng thứ nhất.	Huỳnh mỹ Lợi
Son âge . . . . . . Mấy tuổi	30 ans
Sa profession . . . . . . Làm nghề gì	Agriculteur
Son domicile. . . . . . Nhà cửa ở đâu	Vinhlôi Baliêu
Nom et prénoms du 2e témoin . Tên, họ người chứng thứ nhì.	Lê minh Hoàng
Son âge . . . . . . Mấy tuổi	20 ans
Sa profession . . . . . . Làm nghề gì.	Cultivateur
Son domicile. . . . . . Nhà cửa ở đâu.	Vinhlôi Baliêu

A Baliêu, le 10 septembre 1935
Tại Vinhlôi, ngày 13 tháng 8 năm

Le Déclarant, Người khai, Signé: Công

L'Officier de l'Etat Civil, Chức việc coi bộ đời, Signé: [illegible]

Les Témoins, Các người chứng, Signés: Lợi et Hoàng

Vinhlôi, le 3 mars 1954
Chánh lục sự

Số: 759/TN
Chứng nhận giống y bản chánh xuất trình tại UBND Phường 21/05
Ngày 26 tháng 12 năm 1984
TM UBND PHƯỜNG 21/05
Uỷ Viên Thường Trực
Trương quang Tiến

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chừa để mà hiroc biên ân tòa cải giấy khai sanh lại.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH THANH MY TAY
(Extrait du registre des actes de naissance)

GIA ĐỊNH (NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1943 (Année) SỐ HIỆU 592 (Acte No)

Tên, họ đứa con nít. . . (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI BACH DANG
Nam, nữ . . . . . (Sexe de l'enfant)	Féminin
Sanh ngày nào . . . . (Date de naissance)	5 / II / 1943
Sanh tại chỗ nào. . . . (Lieu de naissance)	Maternité Thanh my tay
Tên, họ cha . . . . . (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN KHUONG
Cha làm nghề gì . . . . (Sa profession)	Secrétaire cours d'appel
Nhà cửa ở đâu . . . . (Son domicile)	Thanh my tay
Tên, họ mẹ. . . . . (Nom et prénom de la mère)	PHAM THI HUE dite Le thi Hue
Mẹ làm nghề gì . . . . (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu . . . . (Son domicile)	Thanh my tay
Vợ chánh hay thứ . . (Son rang de femme mariée)	femme 1er rang

Chúng tôi, Ton that Hiep
(Nous)
được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Le Minh Dat
(M.)
Lục-sự Toà-án sở tại,
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 4 / 2 / 1965
T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bổn chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 4 / 2 / 1965
K.T CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
CHÁNH-LỤC-SỰ
TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

Giá tiền : 8
(Coût)
Biên-lai số : 11724/20
(Quittance no)

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION

FORM - 1070

FOREMOST DAIRIES VIETNAM, S.A.R.L

P - SF - 05

NAME (Mr. / Miss / Mrs.)	FIRST	MIDDLE	LAST	BIRTH DATE	SERVICE COMP. DATE
Mrs.	Nguyen	Thi	BACH DANG	11-05-43	03-03-71

NATURE OF ACTION	EFFECTIVE DATE
Reassignment	September 4, 1972

	FROM	TO
EMPLOYEE NUMBER	1.827	Same
EMPLOYING DEPARTMENT	Plant Admin Services Thu Duc Plant	Personnel Department Payroll Section Thu Duc Plant
POSITION TITLE	Clerk	Same
GRADE OR PAY LEVEL	FPL-4/4	Same
SALARY	VN$ 100.9 p/hr	Same

REMARKS

- [ ] SUBJECT TO COMPLETION OF MONTH PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING
- [ ] SUBJECT TO COMPLETION OF PHYSICAL EXAMINATION WITH SATISFACTORY RESULTS.
- [x] Employee serves as typist for Payroll Section.
  Will be trained to become a relief payroll clerk.

REFERENCE

REQUEST NO. BY

APPROVED BY ON

SIGNATURE OF PERSONNEL MANAGER

JAK HANSEN
Acting Managing Director

DATE 09-04-72

HD : hm

- [x] EMPLOYEE COPY
- [ ] PERSONNEL FILE COPY
- [ ] PAYROLL COPY
- [ ] FINANCE DEPT COPY
- [ ] REQ DEPT COPY

40 x 50 x 5/6-71

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION

FORM - 1070

FOREMOST DAIRIES VIETNAM, S.A.R.L

P - SF - 05

NAME	FIRST	MIDDLE	LAST	BIRTH DATE	SERVICE COMP. DATE
Mr. Miss Mrs. Mrs.	Nguyen	Thi	BACH DANG	11-05-43	03-03-71

NATURE OF ACTION	EFFECTIVE DATE
Reassignment	September 4, 1972

	FROM	TO
EMPLOYEE NUMBER	1.827	Same
EMPLOYING DEPARTMENT	Plant Admin Services Thu Duc Plant	Personnel Department Payroll Section Thu Duc Plant
POSITION TITLE	Clerk	Same
GRADE OR PAY LEVEL	FPL-4/4	Same
SALARY	VN$ 100.9 p/hr	Same

REMARKS

- [ ] SUBJECT TO COMPLETION OF MONTH PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING
- [ ] SUBJECT TO COMPLETION OF PHYSICAL EXAMINATION WITH SATISFACTORY RESULTS.
- [x] Employee serves as typist for Payroll Section.
  Will be trained to become a relief payroll clerk.

REFERENCE

REQUEST NO. BY

APPROVED BY ON

SIGNATURE OF PERSONNEL MANAGER

JAK HANSEN
Acting Managing Director

DATE 09-04-72

HD : hm

- [x] EMPLOYEE COPY
- [ ] PERSONNEL FILE COPY
- [ ] PAYROLL COPY
- [ ] FINANCE DEPT COPY
- [ ] REQ DEPT COPY

40 x 50 x 5 6-71

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Quận 24

Số hiệu [redacted]

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG [redacted]

nghề-nghiệp [redacted]

sanh ngày [redacted] tháng [redacted] năm [redacted]

[redacted] tại [redacted]

cư trú tại [redacted]

tạm trú tại [redacted]

Tên họ cha chồng [redacted] (S)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng [redacted] (S)
(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ [redacted]

nghề-nghiệp [redacted]

sanh ngày [redacted] tháng [redacted] năm [redacted]

[redacted] tại [redacted]

cư trú tại [redacted]

tạm trú tại [redacted]

Tên họ cha vợ [redacted] (C)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ [redacted] (S)
(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú [redacted] tháng [redacted] năm [redacted]

Vợ chồng khai c[redacted]hông lập hôn khế

ngày tháng năm

tại

MIỄN LỆ-PHÍ
Đối ngũ Hạ-Sĩ Quân-Đội

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 6 *tháng* 2 *năm* 196[illegible]

Quận - Trưởng Quận 24

Viên - Chức Hộ - Tịch,

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TÒA HÀNH-CHÁNH
QUẬN-24
ĐÔ-THÀNH SAIGON

LÂM-MẠNH

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TY CÔNG AN

Số: 1940/QĐ2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 1979

- Căn cứ vào điều 9 của bản tuyên bố của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam về chính sách đối với vùng mới giải phóng.

- Căn cứ vào bản công bố chính sách đối với những sĩ quan ngụy quân, binh lính và nhân viên trong bộ máy chính quyền sài gòn cũ.

- Theo đề nghị của ban phụ trách cải tạo tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Cho: Lê Minh Nghĩa Tuổi: 1955
Quê quán: tại Bà Rịa
Trú quán: [illegible] quận 5 - Sgòn
Dân tộc: Kinh
Can tội: Thuộc [illegible] chế độ cũ tạm giữ cải tạo

Được trở về sum họp với gia đình và hưởng mọi quyền công dân.

Điều II: Khi về đương sự phải trình quyết định này với ủy ban nhân dân cách mạng, công an huyện nơi mình cư trú và phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi luật lệ hiện hành.

Điều III: Ban phụ trách trại cải tạo tỉnh thi hành quyết định này./-

KT. TRƯỞNG TY CÔNG AN ĐỒNG NAI.
PHÓ TRƯỞNG TY

BÙI ĐÌNH KIỂM.

Chứng thực
cơ [illegible] tại địa phương
29-12-79
PB

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn _____
Thị xã Quận 3
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 116
Quyển số 02

Họ và tên :	LÊ MINH ĐĂNG KHOA	Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 1 tháng 2 năm 1974	
Nơi sinh	Nhà hộ sanh Q3	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh	Lê minh Triết 1935	Nguyễn thị bạch Đằng 1943
Dân tộc Quốc tịch	Kinh V.N	Kinh V.N
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	// 30/136 Phan văn trị Q5	//
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê minh Triết 1935	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 19 tháng 03 năm 198_
TM. UBND Q3 ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 6 tháng 2 năm 19 74
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ

ĐÃ ĐÓNG LỆ PHÍ

Nguyễn văn Dũ

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 3

Thành phố, Tỉnh SG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Mẫu HT 3/P 3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 7121

Quyển số _____

Họ và Tên	Lê bạch lan Phương	Nam, nữ nữ
Sinh ngày tháng, năm	ngày 11 tháng 8 năm 1968	
Nơi sinh	Saigon 75 Cao Thắng	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê minh Triết 1935	Nguyễn thị bạch Dàng 1943
Dân tộc	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	
Nghề nghiệp	quân nhân	nội trợ
Nơi ĐKNK thường trú	Saigon 38/136 Phan văn Trị	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 3 tháng _____ năm 198____

TM. ỦBND _____ ký tên đóng dấu

TL

Đăng ký ngày 18 tháng 8 năm 198 68

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ĐÀ DONG LÊ PHÚ

Nguyễn văn Đ

NAM-PHẦN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận BA

Số hiệu : 160

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Lê thị Bạch-Yến
Phái.	Nữ
Ngày sanh	Bốn tháng giêng năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 20giờ15
Nơi sanh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha . .	Lê Minh Triết
Tuổi.	Ba mươi hai
Nghề-nghiệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Tên, họ người Mẹ. . .	Nguyễn thị Bạch-Nga
Tuổi.	Hai mươi bốn
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chính

Làm tại Saigon, ngày 5 tháng 1 năm 1967

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH : B/5

Saigon, ngày 17 tháng 8 năm 1968.

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN BA

PHÍ
Quân Bội

NGUYỄN VĂN HÒA

Số hi (1).

Sanh

Lưu chuyển cho đương sự vì đây là quốc tịch mà họ gửi cho mình
5-21-85

58757/F21
Chứng nhận giống y bản chánh
Xuất trình tại UBND Phường 21/Q5
Ngày 26 tháng 12 năm 1984
TM UBND PHƯỜNG 21/Q5
Uỷ Viên Thường Trực
Lê Thị Quang Tuyết

	Lê minh Triết
	Trai
	2 septembre 1955
	Vinhlôi Bacliêu
	Lê minh Công
Son domicile.	Photographe à Commerçant
Nhà cửa ở đâu	Vinhlôi Bacliêu
Nom et prénoms de sa mère. .	Huynh Kim Diệp
Tên, họ mẹ	
Sa profession.	Buôn bán
Mẹ làm nghề gì.	
Son domicile.	Vinhlôi Bacliêu
Nhà cửa ở đâu	
Son rang de femme mariée. . .	vô chánh
Vợ chánh hay là vợ thứ . . .	
Nom et prénoms du déclarant. .	Lê minh Công
Tên, họ người khai.	
Son âge	30 ans
Mấy tuổi.	
Sa profession	Photographe à Commerçant
Làm nghề gì	
Son domicile.	Vinhlôi Bacliêu
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms du 1er témoin.	Huynh mỹ Lợi
Tên, họ người chứng thứ nhất.	
Son âge	30 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Agriculteur
Làm nghề gì	
Son domicile.	Vinhlôi Bacliêu
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms du 2e témoin .	Lê minh Huong
Tên, họ người chứng thứ nhì.	
Son âge	20 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Cultivateur
Làm nghề gì.	
Son domicile.	Vinhlôi Bacliêu
Nhà cửa ở đâu.	

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état civil.

(1) Lề chừa để mà hiroc biên án tòa cải giấy khai sanh lại.

A Bacliêu, le 10 septembre 1955
Tại Vinhlôi, ngày 13 tháng 8 năm Ất Mão

Le Déclarant,	L'Officier de l'Etat Civil,	Les Témoins,
Người khai,	Chức việc coi bộ đời,	Các người chứng,
Ký tên: Công	Ký tên: Bacliêu	Ký tên: Lợi và Huong

Vinhlôi, le 5 mars 1992

Số hiệu 576
(1).

NAISSANCE

Sanh

Nom et prénoms de l'enfant . . . / Tên họ đứa con nít	Lê minh Triết
Son sexe . . . . . / Nam, nữ	Trai
Date de naissance . . . . . / Sanh ngày nào	6 septembre 1935
Lieu de naissance. . . . . / Sanh tại chỗ nào	Vinhlợi Baliêu
Nom et prénoms de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) . . . / Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi) . . .	Lê minh Công
Sa profession . . . . . / Cha làm nghề gì	Photographe et Commerçant
Son domicile . . . . . / Nhà cửa ở đâu	Vinhlợi Baliêu
Nom et prénoms de sa mère. . / Tên, họ mẹ	Huỳnh Kim Diệp
Sa profession. . . . . / Mẹ làm nghề gì.	Buôn bán
Son domicile. . . . . / Nhà cửa ở đâu	Vinhlợi Baliêu
Son rang de femme mariée. . / Vợ chánh hay là vợ thứ . . .	vợ chánh
Nom et prénoms du déclarant. . / Tên, họ người khai.	Lê minh Công
Son âge . . . . . / Mấy tuổi	36 ans
Sa profession . . . . . / Làm nghề gì	Photographe et Commerçant
Son domicile. . . . . / Nhà cửa ở đâu	Vinhlợi Baliêu
Nom et prénoms du 1er témoin. / Tên, họ người chứng thứ nhứt.	Huỳnh mỹ Lợi
Son âge . . . . . / Mấy tuổi	30 ans
Sa profession . . . . . / Làm nghề gì	Agriculteur
Son domicile. . . . . / Nhà cửa ở đâu	Vinhlợi Baliêu
Nom et prénoms du 2e témoin . / Tên, họ người chứng thứ nhì.	Lê minh Hoàng
Son âge . . . . . / Mấy tuổi	20 ans
Sa profession . . . . . / Làm nghề gì.	Cultivateur
Son domicile. . . . . / Nhà cửa ở đâu.	Vinhlợi Baliêu

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chừa để mà lược biên án tòa cải giấy khai sanh lại.

A Baliêu, le 10 Septembre 1935
Tại Vinhlợi, ngày 13 tháng 8 năm Ất Hợi

Le Déclarant, Người khai, Signé: Công

L'Officier de l'Etat Civil, Chức việc coi bộ đời, Signé: Châu

Les Témoins, Các người chứng, Signé: Lợi et Hoàng

P. E. C.
Vinhlợi, le 5 mars 1942
Phương thái, le maire, Chauhuchiêu

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.
Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

Số: 757/F21
Chứng nhận giống y bản chánh
Xuất trình tại UBND Phường 21/Q5
Ngày 26 tháng 4 năm 1984
TM UBND PHƯỜNG 21/Q5
Uỷ Viên Thường Trực
Trương quang Tiến

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

D.T.L

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH THANH MY TAY
(Extrait du registre des actes de naissance)

GIA DINH (NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1943 (Année) SỐ HIỆU 592 (Acte No)

Tên, họ đứa con nít. . . (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI BACH DANG
Nam, nữ . . . . . (Sexe de l'enfant)	Féminin
Sanh ngày nào . . . . (Date de naissance)	5 / II / 1943
Sanh tại chỗ nào. . . . (Lieu de naissance)	Maternité Thanh my tay
Tên, họ cha . . . . . (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN KHUONG
Cha làm nghề gì . . . . (Sa profession)	Secrétaire cours d'appel
Nhà cửa ở đâu . . . . (Son domicile)	Thanh my tay
Tên, họ mẹ. . . . . (Nom et prénom de la mère)	PHAM THI HUE dite Le thi Hue
Mẹ làm nghề gì . . . . (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu . . . . (Son domicile)	Thanh my tay
Vợ chánh hay thứ . . (Son rang de femme mariée)	femme 1er rang

Chúng tôi, Ton that Hiep
(Nous)
được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Le Minh Dat
(M.)
CHÁNH Lục-sự Toà-án sở tại,
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 4 / 3 / 1965
T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM PHÁN.

Trích y bổn chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 4 / 3 / 1965
K.T. CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
CHÁNH-LỤC-SỰ
TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
CHÁNH-ÁN
SAIGON

Giá tiền : 6
(Coût)
Biên-lai số : 11724/29
(Quittance no)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Quận 3 A

Số hiệu 432

*

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Lê minh Triệt

nghề-nghiệp Quân nhân

sanh ngày Sáu tháng chín năm một ngàn chín,trăm ba mươi lăm tại Vĩnh Lợi Bạc Liêu (NP)

cư trú tại Căn cứ không quân Biên Hòa

tạm trú tại -

Tên họ cha chồng Lê minh Tòng (S)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Huỳnh kim Diệp (S)
(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Nguyễn thị Bạch Đằng

nghề-nghiệp Nội trợ

sanh ngày năm tháng mười một năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba tại Thạnh mỹ Tây Gia định (NP)

cư trú tại Saigon I/60/42 Nguyễn thông

tạm trú tại -

Tên họ cha vợ Nguyễn văn Khuông (C)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Phạm thị Huệ tự Lê thị Huệ (S)
(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 14 tháng 8 năm 1965

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày tháng năm

tại

MIỄN LỆ-PHÍ
Để nạo Hồ-Sơ Quân-Đội

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 6 tháng 2 năm 1969

Quận - Trưởng Quận 3A

Viên - Chức Hộ - Tịch,

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TÒA HÀNH-CHÁNH
QUẬN-3A
ĐÔ-THÀNH SAIGON

LÂM-MẠNH

NAM-PHẦN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận BA

Số hiệu : 160

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Lê thị Bạch-Yến
Phái.	Nữ
Ngày sanh	Bốn tháng giêng năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 20giờ15
Nơi sanh	Saigon, 76 Cao Thắng
Tên, họ người Cha . .	Lê Minh Triết
Tuổi.	Ba mươi hai
Nghề-nghiệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Tên, họ người Mẹ. . .	Nguyễn thị Bạch-Đằng
Tuổi.	Hai mươi bốn
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chính

Làm tại Saigon, ngày 5 tháng 1 năm 1967

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH : 1/5

Saigon, ngày 17 tháng 8 năm 1968.

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN BA

VĨNH-PHÍ
Quân-Đội

NGUYỄN-PHƯỚC-HÒA

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 3

Thành phố, Tỉnh 50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Mẫu HT 3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 7321

Quyển số _____

Họ và Tên	Lê bạch lan Phương	Nam, nữ nữ
Sinh ngày tháng, năm	ngày 11 tháng 8 năm 1968	
Nơi sinh	Saigon 75 Cao Thắng	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê minh Triết 1935	Nguyễn thị bạch Lang 1943
Dân tộc	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	
Nghề nghiệp	quân nhân	nội trợ
Nơi ĐKNK thường trú	Saigon 38/136 Phan văn Trị	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 3 tháng 6 năm 198

TM/UBND

TL

ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 18 tháng 8 năm 1968

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ĐẶNG LÊ PHI

Nguyễn Văn Đô

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn _____
Thị xã Quận 3
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 116
Quyển số 02

Họ và tên :	LÊ MINH ĐĂNG KHOA	Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 1 tháng 4 năm 1974	
Nơi sinh	Nhà bảo sanh Q3	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh	Lê minh Triết 1935	Nguyễn thị bạch Đằng 1943
Dân tộc Quốc tịch	Kinh V.N	Kinh V.N
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	// 38/136 Phan văn trị Q5	//
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê minh Triết 1935	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 19 tháng 4 năm 198_
TM. UBND Q3 ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 6 tháng 2 năm 19 74
(ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐÃ ĐÓNG LỆ PHÍ

Nguyễn văn Dũ

II FIELD FORCE POST EXCHANGE

AVFB-PX 9 March 1968

SUBJECT: Letter of resignation.

TO: Whom it May Concern:

Miss Nguyen thi Bach Dang has worked in the capacity of Cashier-checker for the II Field Force Exchange for the period of three months.

During this period, I have found her to be an excellent worker. Because of pregnancy, she has asked to leave this exchange.

SHERBURN A. GREGORY
1LT., Armor
Exchange Officer

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION

FORM - 1070

FOREMOST DAIRIES VIETNAM, SARL

P - SF - 05

NAME (Mr. / Miss / Mrs.)	FIRST	MIDDLE	LAST	BIRTH DATE	SERVICE COMP. DATE
Mrs.	Nguyen	Thi	BACH DANG	11-05-43	03-03-71

NATURE OF ACTION	EFFECTIVE DATE
Reassignment	September 4, 1972

	FROM	TO
EMPLOYEE NUMBER	1.827	Same
EMPLOYING DEPARTMENT	Plant Admin Services Thu Duc Plant	Personnel Department Payroll Section Thu Duc Plant
POSITION TITLE	Clerk	Same
GRADE OR PAY LEVEL	FPL-4/4	Same
SALARY	VN$ 100.9 p/hr	Same

REMARKS

- [ ] SUBJECT TO COMPLETION OF MONTH PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING
- [ ] SUBJECT TO COMPLETION OF PHYSICAL EXAMINATION WITH SATISFACTORY RESULTS.
- [x] Employee serves as typist for Payroll Section.
  Will be trained to become a relief payroll clerk.

REFERENCE

REQUEST NO. BY

APPROVED BY ON

SIGNATURE OF PERSONNEL MANAGER

JAK HANSEN
Acting Managing Director

DATE 09-04-72

HD : hm

- [x] EMPLOYEE COPY
- [ ] PERSONNEL FILE COPY
- [ ] PAYROLL COPY
- [ ] FINANCE DEPT COPY
- [ ] REQ DEPT COPY

40 x 50 x 5/6-71

Maj William F. Brion

Mr. Shimellis, Alemu

Lt Cynthia L. Stong

Lt Fotakis, Nikitas

WO Le-minh TRIET

Lt Nguyen-van NGO

Lt Robert W. Tirey

Lt Donald R Scott, Jr

Lt Wayne G Story

Lt Patrick C Higgs

Lt Margaret A Betley

Lt Sue C.M.Armstrong

Maj Wichai Nutasiri

Capt Afratis, Bill

Capt Charles E West

Capt Cyrus B Vance II

CÔNG AN THÀNH PHỐ
VŨNG TÀU
Số 166 /LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

LỆNH THA

Tôi DƯƠNG MINH

Chức vụ TRƯỞNG CÔNG AN VŨNG TÀU

Căn cứ quyết định miễn tố số ... ngày ... tháng ... năm ...

đối với bị can NGUYỄN THỊ BẠCH ĐẰNG - CAN TỘI: THEO CHỒNG VƯỢT BIÊN TRÁI PHÉP.

Căn cứ vào pháp luật hiện hành;

RA LỆNH THA

Họ và tên NGUYỄN THỊ BẠCH ĐẰNG Bí danh ...

Sinh ngày 5 tháng 11 năm 1943

Sinh quán GIA ĐỊNH

Trú quán 38/126 PHAN VĂN TRỊ - PHƯỜNG 21 - QUẬN 5

Nghề nghiệp LÀM CÔNG

Ông Giám thị trại tạm giam VŨNG TÀU

thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND VŨNG TÀU

... để tường.

* 3 con cùng tha:
- LÊ THỊ BẠCH YẾN 1 tuổi
- LÊ BẠCH LAN PHƯƠNG 8 tuổi
- LÊ MINH ĐẲNG KHOA 4 tuổi

VŨNG TÀU ngày 26 tháng 11 năm 1977
TRƯỞNG CÔNG AN:

DƯƠNG MINH

Nơi nhận

- Ông Viện trưởng VKSND ... để biết
- ... để báo cáo
- Ông Giám thị trại tạm giam ... để thi hành
- ... để biết
- Đương sự khi về trình với ... biết
- Lưu hồ sơ

chứng thực
sao đúng bản chính
Ngày 28-11-77
Phó Ban.

SỞ CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
CHỨNG THỰC PHÒNG

Trần quyết Tiến